

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty: VINAFOOD 2

Mã cổ phiếu: VSF

Sàn giao dịch: UPCoM

Ngành nghề: Hàng Tiêu dùng - Thực phẩm và đồ uống - Sản xuất thực phẩm - Thực phẩm

BALANCE SHEET	2020	2021	2022	2023	2024
Total Current Assets	2,593.10	2,682.53	4,851.83	2,618.34	2,823.71
Property/Plant/Equipment	3,082.15	2,796.90	2,658.90	2,583.79	2,444.27
Total Assets	6,763.82	6,525.66	8,527.06	6,232.74	6,325.68
Total Current Liabilities	2,573.09	2,716.60	4,700.78	2,393.63	2,509.99
Total Long-Term Debt	1,320.75	1,314.19	1,372.19	1,374.99	1,386.26
Total Liabilities	3,893.85	4,030.79	6,072.97	3,768.62	3,896.25

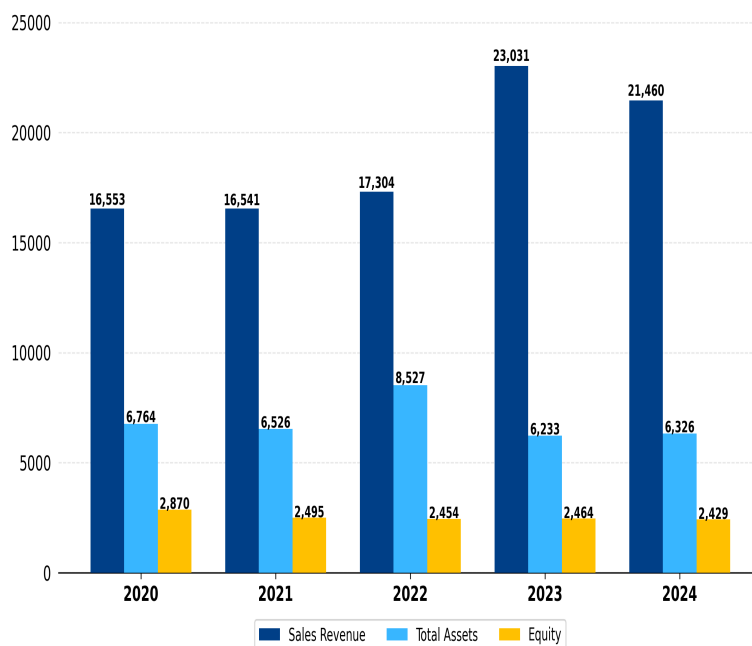
FUNDAMENTAL	2020	2021	2022	2023	2024
EBITDA	-238.95	-324.26	21.11	62.34	29.73

INCOME STATEMENT	2020	2021	2022	2023	2024
Revenue	16,552.85	16,540.58	17,303.52	23,030.65	21,460.07
Total Operating Expense	14,681.54	14,613.54	14,517.27	19,758.70	18,476.53
Net Income Before Taxes	-210.11	-298.54	47.61	92.35	58.71
Net Income After Taxes	-238.95	-324.26	21.11	62.34	29.73
Net Income Before Extraordinary Items	-257.62	-300.18	43.35	84.81	85.04

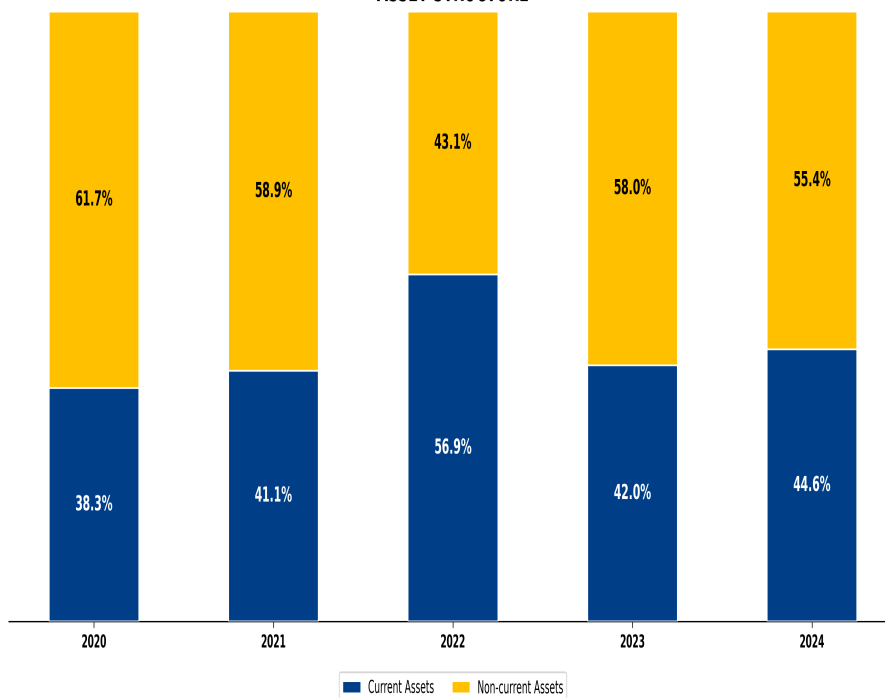
PROFITABILITY ANALYSIS	2020	2021	2022	2023	2024
ROE, %	-8.33	-13.00	0.86	2.53	1.22
ROA, %	-3.53	-4.97	0.25	1.00	0.47
Income After Tax Margin, %	-0.01	-0.02	0.00	0.00	0.00
Revenue/Total Assets, %	244.73	253.47	202.92	369.51	339.25
Long Term Debt/Equity, %	46.02	52.68	55.91	55.80	57.06
Total Debt/Equity, %	135.68	161.56	247.46	152.94	160.38
ROS, %	-1.44	-1.96	0.12	0.27	0.14

BIỂU ĐỒ

Revenue, Total Assets, Equity of VSF

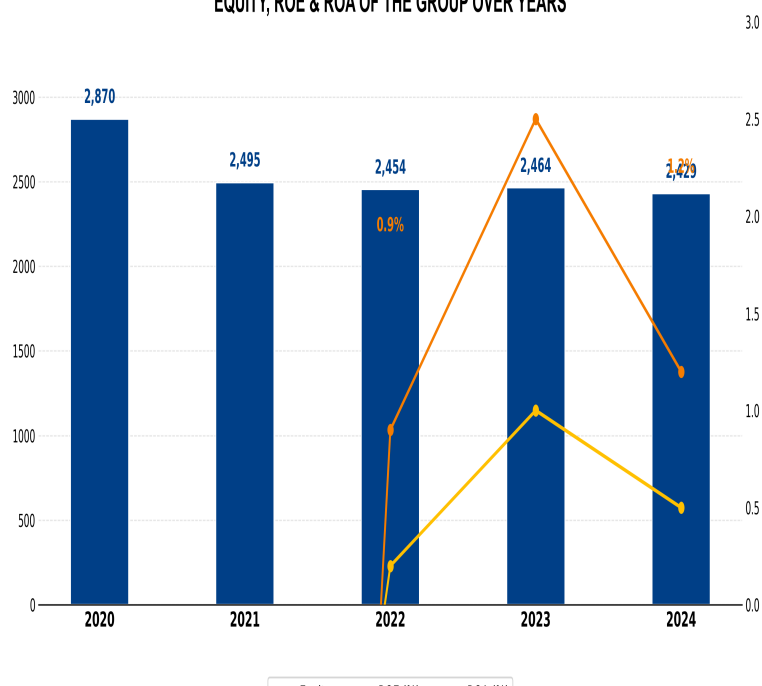


ASSET STRUCTURE

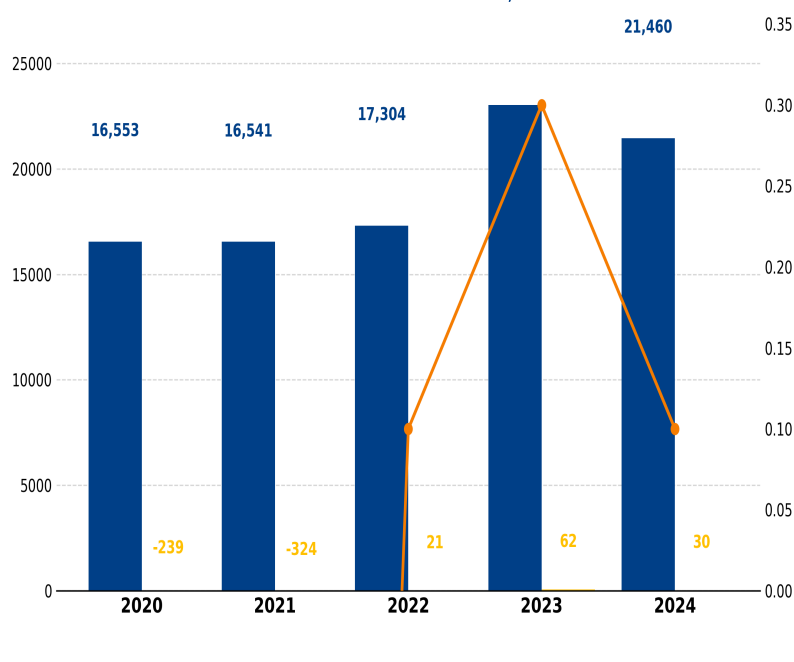


BIỂU ĐỒ

EQUITY, ROE & ROA OF THE GROUP OVER YEARS



INCOME AFTER TAX MARGIN



NHẬN XÉT TÀI CHÍNH

Dựa trên dữ liệu cung cấp, chúng ta có thể đánh giá sơ bộ về cổ phiếu như sau:

1 PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện khi tài sản ngắn hạn ('Total Current Assets') tăng từ 2,593.10 lên 2,823.71. Tuy nhiên, cần tính toán Current Ratio và Quick Ratio để đánh giá chính xác hơn. ROA và ROE còn thấp, thậm chí âm trong một số năm, cho thấy hiệu quả hoạt động chưa cao. Đáng chú ý, doanh thu ('Revenue') tăng trưởng qua các năm, đặc biệt từ năm 2 đến năm 3 (từ 17,303.52 lên 23,030.65), nhưng lợi nhuận chưa tương xứng. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ('Total Debt/Equity') khá cao, dao động quanh mức 150%, cho thấy rủi ro tài chính đáng kể. ROS cũng còn thấp, dưới 1%.

2 SO SÁNH VỚI TRUNG BÌNH NGÀNH:

Để đánh giá vị thế cạnh tranh, cần so sánh các chỉ số như vòng quay hàng tồn kho, tỷ lệ nợ và ROA, ROE với trung bình ngành. Nếu các chỉ số này thấp hơn trung bình ngành, công ty có thể gặp khó khăn trong việc cạnh tranh.

3 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT:

Phân tích kỹ thuật cần dữ liệu giá cổ phiếu. Tuy nhiên, dựa trên thông tin tài chính, nếu giá cổ phiếu phản ánh đúng tình hình kinh doanh, có thể kỳ vọng xu hướng giá sẽ không quá tích cực do lợi nhuận còn thấp và rủi ro tài chính cao.

4 KẾT LUẬN:

Rủi ro: Cổ phiếu này tiềm ẩn rủi ro tài chính do đòn bẩy cao và hiệu quả hoạt động chưa ổn định.

Triển vọng: Tiềm năng tăng trưởng doanh thu là điểm sáng, nhưng cần cải thiện lợi nhuận và quản lý nợ.

Khuyến nghị: Cần thêm thông tin về so sánh ngành và phân tích kỹ thuật để đưa ra khuyến nghị chính xác. Tuy nhiên, với dữ liệu hiện tại, nhà đầu tư nên thận trọng và cân nhắc kỹ trước khi đầu tư vào cổ phiếu này.